

Ngày 05/6/2018 bị bắt, tạm giữ và tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

Bị hại:

1. chị Đinh Ngọc Hoài T, sinh năm: 1993, địa chỉ: ấp TB, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai

2. anh Lai Trường Q, sinh năm: 1996, địa chỉ: ấp TB, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai

3. anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1988, địa chỉ: ấp TB, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/5/2018 đến ngày 04/6/2018, bị cáo Lầu Hỷ M đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 19 giờ ngày 27/5/2018, bị cáo đi bộ ngang qua nhà chị Đinh Ngọc Hoài T, địa chỉ: ấp TB, xã B, huyện CM thì phát hiện cửa sổ phòng ngủ nhà chị T không đóng, bị cáo tiến sát và nhìn vào trong phòng thì thấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng đặt trên cuốn vở học sinh để ở trên đầu giường nằm nên đã thò tay qua cửa sổ lấy trộm chiếc điện thoại đem về nhà cất giấu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.400.000 đồng.

Vụ thứ hai: khoảng 20 giờ ngày 01/6/2018, bị cáo đi bộ ngang qua nhà anh Lai Trường Q, địa chỉ: ấp TB, xã B, huyện CM thì thấy nhà anh Q khóa cửa ngoài; bị cáo dự đoán không có người ở nhà nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh Q để trộm cắp tài sản. Khi tìm đường để vào nhà, bị cáo nhìn thấy vách bên hông nhà có một tấm tôn bị thủng và bung đinh nên đã dùng tay cạy tấm tôn ra rồi chui vào trong nhà. Bị cáo đi vào phòng ngủ của anh Q thì thấy 01 điện thoại hiệu Iphone 8, màu trắng hồng; 01 điện thoại hiệu Iphone 5, màu trắng để trên bàn và 01 con heo đất màu đỏ nên đã lấy trộm rồi chui ra ngoài bằng đường cũ. Khi đi về được khoảng 150 mét, bị cáo đập vỡ con heo đất ra đếm được số tiền 2.000.000 đồng rồi vứt mảnh vỡ của con heo đất xuống suối, sau đó đem toàn bộ tài sản vừa chiếm đoạt được về nhà cất giấu. Trong vụ này, anh Q khai bị mất số tiền 3.500.000 đồng, 01 Ipad, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Lai Trường Q; tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận có lấy trộm số tài sản này.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng có giá trị là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động

hiệu Iphone 8, màu trắng hồng có giá trị là 12.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: khoảng 19 giờ ngày 04/6/2018, bị cáo M đi ngang qua nhà anh Võ Văn Đ, ngụ ấp TB, xã B, huyện CM thì thấy nhà khóa cửa ngoài nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp. Bị cáo đi vòng quanh nhà thì thấy có 01 cái kim sắt, bọc nhựa màu vàng-xanh, dài khoảng 20cm gác trên một cây sắt phía sau nhà nên lấy và đi đến cửa sổ bên hông nhà, dùng kim cắt song sắt cửa sổ, tạo ra lỗ hổng rồi chui vào trong nhà. Tại đây, bị cáo lấy trộm được số tiền 6.500.000 đồng (gồm 13 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng); 03 nhẫn bằng vàng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng; 02 đôi bông tai bằng vàng; 02 camera quan sát và 01 máy sục ôxy cho cá rồi mang về nhà cất giấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 06/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM xác định: 01 nhẫn vàng 610, trọng lượng 07 phân 09 trị giá 1.698.500 đồng; 02 nhẫn vàng là vàng 610, mỗi nhẫn có đính hạt đá tròn màu trắng, tổng trọng lượng 01 chỉ 51 trị giá 3.289.500 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, trên sợi dây chuyền có 01 ngôi sao bằng vàng đều là vàng 610, trọng lượng 01 chỉ 89 trị giá 4.063.500 đồng; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng, hình chữ x, là vàng trắng, tổng trọng lượng 02 phân 09 trị giá 623.500 đồng; 01 đôi bông tai kim loại, mỗi bông tai có hình tròn màu vàng, đều là vàng 610, trọng lượng 06 phân 09 trị giá 1.483.500 đồng; 02 camera hiệu @hua trị giá 3.500.000 đồng; 01 máy sục oxy cho cá, hiệu Resun trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.058.500 đồng.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS-CM ngày 03/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lầu Hỷ M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Tuyên bố bị cáo Lầu Hỷ M phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo M mức án từ 04 năm đến 05 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại đã nhận lại tài sản và không ai yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX thực hiện công bố lời khai của họ tại các bút lục 109, 110; 113 -> 115; 122 -> 125.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố.

[2] Về sự vắng mặt của các bị hại tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, các bị hại không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự; việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 292 của BLTTHS.

[3] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với các lời khai, bản cung của bị cáo đã được thu thập trong hồ sơ (BL 72 -> 88), phù hợp với lời khai của các bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định được: Vào buổi tối các ngày 27/5/2018, 01/6/2018 và 04/6/2018 lợi dụng sơ hở của chị Đinh Ngọc Hoài T trong việc quản lý tài sản cũng như việc gia đình anh Lai Trường Q, anh Võ Văn Đ vắng nhà bị cáo M đã lén lút, đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, cụ thể: đã chiếm đoạt của chị T 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, trị giá 2.400.000 đồng; chiếm đoạt của anh Lai Trường Q tài sản trị giá 17.000.000 đồng (gồm: 01 điện thoại hiệu Iphone 8, màu trắng hồng, 01 điện thoại hiệu Iphone 5 màu trắng và 01 con heo đất màu đỏ bên trong có số tiền 2.000.000 đồng); chiếm đoạt của anh Võ Văn Đ tài sản trị giá 23.558.500 đồng (gồm: 01 nhẫn vàng 610 trọng lượng 07 phân 09; 02 nhẫn vàng 610, mỗi nhẫn có đính hạt đá tròn màu trắng, tổng trọng lượng 01 chỉ 51; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, trên sợi dây chuyền có 01 ngôi sao bằng vàng đều là vàng 610 trọng lượng 01 chỉ 89 trị giá 4.063.500 đồng; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng, hình chữ x, là vàng trắng, tổng trọng lượng 02 phân 09; 01 đôi bông tai kim loại, mỗi bông tai có hình tròn màu vàng, đều là vàng 610, trọng lượng 06 phân 09; 02 camera hiệu @hua trị giá 3.500.000 đồng; 01 máy sục oxy cho cá, hiệu Resun và số tiền 6.500.000 đồng). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo M đã chiếm đoạt của các bị hại là 42.958.500 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và có đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Bị cáo đã có 03 tiền án cùng về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, Cáo trạng số 42/CT-VKS-CM ngày 03/8/2018 của VKSND huyện Cẩm Mỹ truy tố bị cáo M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo M là thanh niên đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực tự điều khiển hành vi của mình; bị cáo đã 03 lần bị xét xử và phải chấp hành án phạt tù,

chắc chắn bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính xem thường pháp luật, thích lấy tài sản của người khác làm tài sản riêng của mình mà bị cáo tiếp tục 03 lần thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp này, lẽ ra hành vi phạm tội của bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” nhưng xét thấy qua 03 lần trộm cắp tài sản trong vụ án này sau khi lấy được tài sản bị cáo đem về nhà cất giấu, số tiền mất bị cáo cũng cất giữ chứ không tiêu xài, điều này thể hiện bị cáo không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên Kiểm sát viên không áp dụng tình tiết này là phù hợp. Tuy nhiên, với việc bị cáo 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp và mỗi lần đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo cấu thành cơ bản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Riêng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” đã được áp dụng làm tình tiết định khung hình phạt nên không coi là tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt bị cáo đều cất giữ, chưa tiêu thụ nên đã thu hồi toàn bộ trả cho bị hại nên được HĐXX xem xét gây thiệt hại không lớn và áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo. Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo: có trách nhiệm phải nuôi con nhỏ sinh năm 2015 do vợ là chị Phạm Thị T đã bỏ đi; hiện tại bị cáo chung sống với chị Trần Ngọc Y và chị Y đang có thai (nội dung này được chị Y xác nhận tại phiên tòa), để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Từ những phân tích về tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra các bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và xác định không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, kể cả việc bị hại Lai Trường Q khai trong giai đoạn điều tra còn bị mất số tiền 3.500.000 đồng, 01 Ipad, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Lai Trường Q. Do đó HĐXX không xem xét, giải quyết về phần dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Lầu Hỷ M (C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Lầu Hỷ M 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt, tạm giữ và tạm giam: 05/6/2018.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Lầu Hỷ M phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng các bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hà Thế Nam